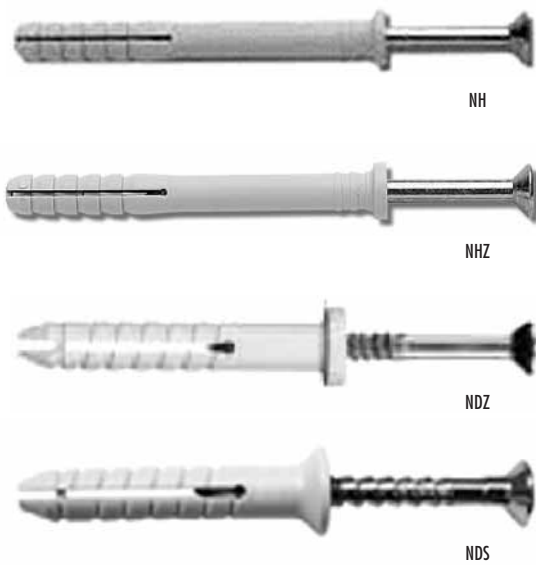


NHZ - Hmoždinka natloukácí | NHZ, NDZ - plochá hlava | NH, NDS - zapuštěná hlava



rozměr	d	lh	lv	prům. vrt	prům. límce	t	označení
5 x 30	5	30	40	3,5	9	3	NDZ / NDS
5 x 40	5	40	46	3,5	9	9	NDZ / NDS
5 x 50	5	50	60	3,5	9	13	NDZ / NDS
6 x 35	6	35	40	3,8	10	5	NHZ / NH
6 x 40	6	40	45	3,8	10	10	NHZ / NH
6 x 45	6	45	50	3,8	10	15	NHZ / NH
6 x 50	6	50	60	3,8	10	18	NDZ / NDS
6 x 55	6	55	60	3,8	10	25	NHZ / NH
6 x 60	6	60	65	3,8	10	30	NHZ / NH
6 x 70	6	70	75	3,8	10	40	NHZ / NH
6 x 75	6	75	80	3,8	10	43	NDZ / NDS
8 x 45	8	45	50	4,8	11	5	NHZ / NH
8 x 60	8	60	65	4,8	11	20	NHZ / NH
8 x 75	8	75	80	4,8	11	35	NHZ / NH
8 x 80	8	80	85	4,8	11	40	NHZ / NH
8 x 100	8	100	105	4,8	11	60	NHZ / NH
8 x 120	8	120	125	4,8	11	80	NHZ / NH
8 x 135	8	135	140	4,8	11	95	NHZ / NH
8 x 140	8	140	150	4,8	11	98	NDZ / NDS
8 x 160	8	160	170	4,8	11	118	NDZ / NDS

SHARK - Hmoždinka natloukácí -SHARK plochá hlava



rozměr	d	lh	lv	prům. vrt	prům. límce	t	označení
5 x 25	5	25	30	3,4	9	1	SHARK
5 x 35	5	35	40	3,4	9	5	SHARK
5 x 45	5	45	50	3,4	9	10	SHARK
6 x 25	6	25	30	3,8	10	1	SHARK

HKH - Hmoždinka kovová s hřebem (natloukácí)



rozměr	d	lh	lv	průměr HŘEB	t	označení
6 x 30	6	32	35	4	5	HKH
6 x 40	6	42	45	4	15	HKH
6 x 50	6	52	55	4	20	HKH

KR - N - Kotva rámová - natloukácí



rozměr	d	lh	lv	lk	t	označení
6 x 40	6	40	45	30	10	KR-N
6 x 60	6	60	65	30	30	KR-N
6 x 80	6	80	85	30	50	KR-N
8 x 50	8	50	55	40	10	KR-N
8 x 70	8	70	75	40	30	KR-N
8 x 90	8	90	95	40	50	KR-N
8 x 110	8	110	115	40	70	KR-N
8 x 130	8	130	135	40	90	KR-N

VYSVĚTLIVKY:

d	průměr hmoždinky = průměr vrtáku
lh	délka hmoždinky, minimální délka ukotvení
lv	min. hloubka vrtání

t	maximální tloušťka materiálu
lz	délka závitů
lk	minimální délka kotvení